

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**



NGUYỄN TRẦN NHƯ KHUÊ

**QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA
NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI TRONG PHÁP LUẬT
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**Ngành: Luật Hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 9.38.01.04**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS. TS HỒ TRỌNG NGŨ

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2022

**Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Luật
TP Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Hồ Trọng Ngũ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp Trường tạo phòng họp... Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, Số 2 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm ...

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, số 2 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP Hồ Chí Minh.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người nói chung và quyền của người bị buộc tội trong lĩnh vực tư pháp hình sự được pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia thừa nhận. Những văn kiện pháp lý quốc tế rất có ảnh hưởng đã ghi nhận những giá trị cốt lõi của quyền con người như UDHR (1948), ECHR (1950), ICCPR (1966) ...

Về lý luận, thuật ngữ *xét xử công bằng* theo Điều 25 BLTTHS năm 2015 chưa được giải thích. Vì thế *quyền được xét xử công bằng* vẫn là một khái niệm mới ở Việt Nam và chưa được các nhà nghiên cứu bàn sâu để có sự thống nhất về nhận thức.

Ở góc độ thực tiễn, quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội cũng chưa được chú ý, chưa được bảo đảm thực hiện đầy đủ. Tình trạng án oan, sai vẫn tồn tại; án bị kháng cáo, kháng nghị còn nhiều mà một trong những nguyên nhân là xét xử chưa bảo đảm công bằng. Vì thế tác giả chọn đề tài "*Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*" làm luận án Tiến sĩ Luật học là có tính cấp thiết.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đối với vấn đề trong luận án là nhằm góp phần hoàn thiện lý luận về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong pháp luật TTHS Việt Nam. Trên cơ sở đó đánh giá thực tiễn và kiến nghị các giải pháp để bảo đảm thực hiện quyền này của người bị buộc tội.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án như sau:

- Phân tích những vấn đề lý luận về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.
- Phân tích, đánh giá quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.
- Đánh giá thực tiễn bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội ở Việt Nam.
- Kiến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là quan điểm lý luận về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội; pháp luật quốc tế và quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội; thực tiễn thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong pháp luật TTHS Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, phạm vi nghiên cứu trong luận án này là chỉ tập trung vào những quyền cơ bản, tối thiểu để người bị buộc tội được xét xử công bằng: người bị buộc tội được xét xử bởi một Tòa án độc lập, vô tư và công khai; được bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng trước Tòa án và tranh tụng công bằng; được bào chữa; được suy đoán vô tội; được xét xử kịp thời; được kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về không gian, vấn đề quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội được nghiên cứu trong phạm vi cả nước.

Về thời gian, thực tiễn về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội được khảo sát, đánh giá từ năm 2015 đến năm 2020.

4. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, Kết luận và Tổng quan tình hình nghiên cứu, nội dung luận án được chia thành các chương sau đây:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự.

Chương 2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

Chương 3. Thực tiễn và giải pháp bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích lý thuyết luật học được sử dụng để nghiên cứu các quan điểm, các học thuyết pháp lý và phân tích quy phạm pháp luật.

- Phương pháp so sánh được sử dụng để tìm hiểu sự tương đồng và khác biệt giữa pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài với pháp luật TTHS Việt Nam.

- Phương pháp lịch sử chủ yếu được sử dụng ở chương Tổng quan tình hình nghiên cứu và Chương 1 nhằm góp phần nhận thức về sự hình thành, phát triển của các quy định pháp luật liên quan đến xét xử công bằng và quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

- Phương pháp thống kê: được sử dụng để thống kê các số liệu trực tiếp hoặc gián tiếp phản ánh tình hình người bị buộc tội được xét xử công bằng. Nguồn số liệu thống kê chủ yếu từ các báo

cáo công tác kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân tối cao từ năm 2015 đến năm 2020.

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với các Thẩm phán có chuyên môn sâu (177 Thẩm phán hiện đang công tác tại Tòa án) và Luật sư (74 người đang là Luật sư hoặc đã từng làm Luật sư có tham gia bào chữa).

- Phương pháp phân tích và tổng hợp thông tin, tài liệu thu thập được từ thực tiễn thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

- Phương pháp nghiên cứu ngẫu nhiên 100 bản án phúc thẩm của Tòa án cấp tỉnh để tìm hiểu việc thực hiện quyền kháng cáo, lý do kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm.

- Phương pháp nghiên cứu một số vụ án, các tình huống pháp lý điển hình (case study). Có một số các tình huống pháp lý điển hình này được truy cập từ một số trang báo điện tử có uy tín, được đối chiếu với các trang thông tin khác để bảo đảm độ tin cậy của thông tin, nhằm đánh giá tình hình bảo đảm quyền được xét xử kịp thời, công khai, vô tư... trong thực tiễn.

6. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án có những đóng góp mới sau đây:

Thứ nhất, luận án đã cung cấp những vấn đề lý luận có tính mới về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trên cơ sở các văn bản pháp lý của LHQ và Châu Âu, cụ thể là quy định tại Điều 14 ICCPR và Điều 6 ECHR.

Thứ hai, luận án đã có những nghiên cứu lịch sử vấn đề và nghiên cứu so sánh để thấy được bản chất, phạm vi và nội dung của quyền được xét xử công bằng của người bị buộc ở khía cạnh lịch sử

và hiện đại. Từ đó có thể nhận thức đầy đủ và đúng đắn về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

Thứ ba, luận án có những nội dung thể hiện kết quả thống kê, khảo sát, đánh giá thực tiễn thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội, trong đó có chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân. Những nguyên nhân này được nhận thức ở góc độ pháp lý lần thực tiễn áp dụng pháp luật.

Thứ tư, luận án đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội. Các giải pháp này được dựa trên kết quả nghiên cứu lý luận, lịch sử, so sánh và thực tiễn. Vì thế, nội dung các giải pháp được thể hiện ở góc độ hoàn thiện pháp luật TTHS, hướng dẫn áp dụng pháp luật và triển khai áp dụng pháp luật.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa về lý luận: kết quả nghiên cứu trong luận án góp phần bổ sung và hoàn thiện lý luận về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong TTHS.

Ý nghĩa thực tiễn: kết quả nghiên cứu trong luận án sẽ là tài liệu tham khảo có giá trị ở thực tiễn lập pháp.

Các kiến nghị và biện pháp được nêu ra trong luận án còn có ý nghĩa tham khảo cho những người THTT, các Luật sư tham gia bào chữa, những người bị buộc tội để nâng cao hiệu quả thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Ngoài ra, luận án còn là tài liệu khoa học, có giá trị tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập chuyên ngành luật ở bậc Đại học và Sau đại học.

TỔNG QUAN

VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Điển hình là các tác phẩm như sau:

Sách *Human right in Criminal procedure – Comparative study* (*Quyền con người trong tố tụng hình sự - nghiên cứu so sánh*) được viết bởi J. A. Andrews (1982)¹.

Sách *Criminal Prosecution and the Rationalization of criminal justice* (*Truy tố về hình sự và sự thay đổi của tư pháp hình sự*) của tác giả William F. Mc Donald (1991)².

Sách *The guarantees for accused person under Article 6 of the European Convention on Human Rights* (*Những bảo đảm cho người bị buộc tội theo Điều 6 của Công ước Châu Âu về quyền con người*) của tác giả Stephanos Stavros (1995)³.

Sách *The Right to a fair trial* (*Quyền được xét xử công bằng*) của D. Weissbrodt và Rudiger Wolfrum (1997)⁴.

Sách *What is a fair trial, A Basic Guide to Legal Standards and Practice*, Lawyers Committee for Human Rights (*Xét xử công*

¹ J. A. Andrews (1982), *Human right in Criminal procedure – Comparative study*, Martinus Nijhoff Publishers.

² William F. Mc Donald (1991), *Criminal Prosecution and the Rationalization of criminal justice*, U.S. Department of Justice.

³ Stephanos Stavros (1995), *The guarantees for accused person under Article 6 of the European Convention on Human Rights*, Martinus Nijhoff Publishers.

⁴ D. Weissbrodt, Rudiger Wolfrum (1997), *The Right to a fair trial*, Springer-Verlag Berlin Heidelberg.

bằng là gì? *Hướng dẫn cơ bản về chuẩn mực pháp lý và thực tiễn của Ủy ban luật sư về quyền con người*) (2000)⁵.

Sách *Human Rights in Criminal Proceedings* (*Quyền con người trong tố tụng hình sự*) của tác giả Stefan Trechsel (2005)⁶.

Sách *Criminal Procedure – A Worldwide Study* (*Tố tụng hình sự - nghiên cứu toàn cầu*) của nhiều tác giả đến từ nhiều quốc gia (2007)⁷ nghiên cứu về quy định của luật TTHS của nhiều quốc gia theo từng vấn đề cụ thể.

Sách *Principle of Criminal Procedure* (*Nguyên tắc của tố tụng hình sự*) của nhóm tác giả Russel L. Weaver, Leslie W. Ebramson, Jonh M. Burkott, Catherine Hancock (2008)⁸.

Sách *The right to a fair trial in international law, with Specific reference to the Work of the ICTY* (*Quyền được xét xử công bằng trong pháp luật quốc tế - tham chiếu cụ thể đến ICTY*) được viết bởi Thẩm phán Patrick Robinson (2009)⁹.

Sách *Fair trial rights* (*Quyền xét xử công bằng*) của tác giả Richard Clayton và Hugh Tomlinson (2009)¹⁰.

⁵ Lawyers Committee for Human Rights (2000), *What is a fair trial?, A Basic Guide to Legal Standards and Practice*, Printed in the United States of America.

⁶ Stefan Trechsel (with the assistance of Sarah J. Summers) (2005), *Human Rights in Criminal Proceedings*, Publisher: Oxford University Press.

⁷ Craig M. Bradley (chủ biên) (2007), *Criminal Procedure – A Worldwide Study*, Publisher: Carolina Academic Press.

⁸ Russel L. Weaver, Leslie W. Ebramson, Jonh M. Burkott, Catherine Hancock (2008), *Principle of Criminal Procedure*, Publisher: West.

⁹ Patrick Robinson (2009), *The right to a fair trial in International law, with Specific reference to the Work of the ICTY*: https://bjil.typepad.com/Robinson_macro.pdf (truy cập ngày 10/3/2019).

¹⁰ Richard Clayton and Hugh Tomlinson (2009), *Fair trial rights*, Publisher: OUP Oxford.

Sách *Criminal Process and Human Rights (Tổ tụng hình sự và quyền con người)* của nhóm tác giả Jeremy Gans, Terese Henning, Jill Hunter and Kate Warner (2011)¹¹.

Sách *Protecting the right to a fair trial under the European Convention on Human Rights (Bảo đảm quyền được xét xử công bằng theo Công ước Châu Âu về quyền con người)* của hai tác giả Dovydas Vitkauskas và Grigoriy Dikov (2012)¹².

Sách *Human Rights and Criminal Justice (Quyền con người và Tư pháp hình sự)* của các nhóm tác giả Ben Emmerson QC, Professor Andrew Ashworth QC, Alison Macdonald (2015)¹³.

Sách *Basic Human Rights Reference Guide: Right to a Fair Trial and Due Process in the Context of Countering Terrorism (Hướng dẫn cơ bản quyền con người: Quyền được xét xử công bằng và tổ tụng công bằng trong bối cảnh chống khủng bố)* của United Nations Counter - Terrorism Implementation Task Force (lực lượng đặc nhiệm thực thi chống khủng bố của Liên hợp quốc) (2015)

Ở cấp độ nghiên cứu luận án tiến sĩ, có luận án của tác giả Salman Muhammed AL-Subaie với đề tài *The Right to a Fair Trial under Saudi Law of Criminal Procedure (Quyền được xét xử công bằng theo luật tổ tụng hình sự của Saudi)* (2013)¹⁴. Tài liệu này chủ

¹¹ Jeremy Gans, Terese Henning, Jill Hunter and Kate Warner (2011), *Criminal Process and Human Rights*, Publisher: Federation Press.

¹² Dovydas Vitkauskas Grigoriy Dikov (2012), *Protecting the right to a fair trial under the European Convention on Human Rights*, Council of Europe human rights handbooks, Council of Europe Strasbourg, <https://rm.coe.int/16806f15fa>, truy cập 14/8/2021

¹³ Ben Emmerson QC, Professor Andrew Ashworth QC, Alison Macdonald (2012), *Human Rights and Criminal Justice*, Published by: Sweet & Maxwell.

¹⁴ Salman Muhammed AL-Subaie (2013), *The Right to a Fair Trial under Saudi Law of Criminal Procedure*, Brunel University.

ýếu được tham khảo để tiếp cận hướng nghiên cứu đối với đề tài quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội theo luật TTHS Việt Nam.

Ngoài những tài liệu khoa học điển hình như trên còn có các nguồn tài liệu khác bình luận, giải thích quy định của các công ước quốc tế về quyền con người cũng đã thể hiện quan điểm chính thức về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Tài liệu bình luận Điều 14 ICCPR: *General Comment No. 32, Article 14: Right to equality before courts and tribunals and to a fair trial* (Bình luận chung số 32, Điều 14: Quyền bình đẳng trước Tòa án và quyền được xét xử công bằng) của HRC (2007)¹⁵.

Tài liệu của ECtHR hướng dẫn Điều 6 ECHR: *Guide on Article 6 of the European Convention on Human Rights - Right to a fair trial (criminal limb)* (Hướng dẫn Điều 6 Công ước Châu Âu về quyền con người - Quyền được xét xử công bằng)¹⁶.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Thứ nhất, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ liên quan đến xét xử công bằng và quyền được xét xử công bằng:

¹⁵ Human Rights Committee (2007), *General Comment No. 32, Article 14: Right to equality before courts and tribunals and to a fair trial*.

<https://resourcingrights.org/en/document/2se0orhf3rxpc8q0syr50tqpv?page=1> (truy cập ngày 5/7/2021)

¹⁶ European Court of Human Rights (2022), *Guide on Article 6 of the European Convention on Human Rights - Right to a fair trial (criminal limb)*, Council of Europe/European Court of Human Rights. Hiện nay, tài liệu này đã được cập nhật đến ngày 30/4/2022, https://www.echr.coe.int/documents/guide_art_6_criminal_eng.pdf, truy cập ngày 15/5/2022.

Luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội – So sánh giữa luật tố tụng hình sự Việt Nam, Đức và Mỹ*” của tác giả Lương Thị Mỹ Quỳnh (2011) là tài liệu tham khảo có giá trị.

Luận văn Thạc sỹ luật học: “*Quyền xét xử công bằng và vấn đề bảo đảm quyền xét xử công bằng ở Việt Nam*” của tác giả Đỗ Thị Kiều (2013), Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Luận văn Thạc sỹ luật học “*Quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thị Liên Hương (2015), Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thứ hai, các bài viết được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài viết trong kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế và trong nước có liên quan đến xét xử công bằng và quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

- *Bài viết liên quan đến nguyên tắc xét xử công bằng trong TTHS:*

Bài viết “*Những chuẩn mực quốc tế về quyền của bị cáo được xét xử công bằng, công khai bởi một tòa án độc lập và BLTTHS năm 2003 của Việt Nam. Một số kiến nghị*”, của tác giả PGS.TS Nguyễn Thái Phúc trong Tài liệu Hội thảo: Các công ước quốc tế về quyền con người và những vấn đề đặt ra đối với việc sửa đổi, bổ sung BLTTHS Việt Nam (Học viện Tư pháp, Nha Trang, 8/2015).

- *Nhóm các bài viết liên quan đến suy đoán vô tội:*

Bài viết: “*Nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật tố tụng hình sự: Khái quát từ góc độ lịch sử nhân loại*” của tác giả Nguyễn Thành Long (Tạp chí Tòa án nhân dân số 7, 2009); “*Xu hướng tăng cường bảo vệ quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam thông qua nguyên tắc suy đoán vô tội*” của PGS.TS Phạm Văn Tĩnh (Tạp chí Kiểm sát, số 9, 2010).

Mới nhất, có các bài viết của các tác giả trong và ngoài nước trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Nguyên tắc suy đoán vô tội”, Đại học Melbourne và Khoa luật ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức 24/7/2020, gồm: GS Nguyễn Xuân Thảo (2020) (“*Chủ đề: Suy đoán vô tội trong pháp luật Hoa Kỳ*”); Prof. Dr. Christoph Gröpl (“*Giả định vô tội trong khuôn khổ pháp lý của Đức*”); GS. TSKH Đào Trí Úc (“*Suy đoán vô tội – Nguyên tắc Hiến định quan trọng trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015*”); Aurélie Bergeaud-Wetterwald (“*Ý nghĩa và việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật Cộng hòa Pháp*”)...

- Nhóm các bài viết và sách tham khảo về độc lập tư pháp, độc lập Tòa án:

Bài viết của tác giả Jean – Philippe Rivaud (2012) “*Mô hình tổ tụng hình sự của Cộng hòa Pháp*” (trích từ cuốn sách *Những mô hình tổ tụng hình sự điển hình trên thế giới (TS Tô Văn Hòa chủ biên)*, NXB Hồng Đức, có đề cập đến mô hình Tòa án của Pháp được tổ chức không phụ thuộc đơn vị hành chính lãnh thổ (trang 467) cũng có giá trị tham khảo cho kiến nghị về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

Các bài viết về chủ đề độc lập tư pháp, độc lập của Tòa án, độc lập xét xử phục vụ nghiên cứu về chiến lược xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có chiến lược cải cách tư pháp, có các tác giả: PGS.TS Trần Văn Độ (“*Đổi mới tổ chức Tòa án nhân dân bảo đảm nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 15/2021), tác giả PGS.TS Nguyễn Tất Viễn (“*Tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử không phụ thuộc vào đơn vị hành chính*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 15/2021), tác giả TS Nguyễn Mai Bộ (“*Đổi mới tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân đáp ứng xây dựng nhà nước pháp quyền, Kỷ yếu Hội*

thảo Đổi mới tổ chức và hoạt động các cơ quan tư pháp hình sự Việt Nam từ năm 2002 đến nay và những vấn đề tiếp tục đặt ra, Đại học quốc gia Hà Nội, 15/10/2021)...

Sách tham khảo “*Một số nghiên cứu hiện đại về Tòa án*” của PGS.TS Đỗ Minh Khôi (chủ biên) và tập thể tác giả (NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021) có một số nội dung liên quan đến điều kiện độc lập của Tòa án như nhiệm kỳ Thẩm phán, đào tạo Thẩm phán, chế độ đối với Thẩm phán, quyền miễn trừ của Thẩm phán... Những kết quả nghiên cứu trong cuốn sách này được tham khảo để nhận thức về xét xử độc lập của Tòa án.

Ngoài ra, các sách và giáo trình nghiên cứu cơ bản về quyền con người và luật TTHS như: “*Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*”¹⁷; sách tham khảo “*Quyền con người (Tập hợp những bình luận khuyến nghị chung của Ủy ban Công ước Liên hợp quốc)*”¹⁸; “*Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh¹⁹; sách chuyên khảo “*Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*”²⁰... Những nguồn tài liệu này cung cấp những khái niệm chung, cơ bản về TTHS và quyền con người như: xét xử độc lập; xét xử công khai; xét xử kịp thời; người bị buộc tội; suy đoán vô tội; quyền bào chữa; tranh tụng trong TTHS; thời hạn tạm giam; hoãn phiên tòa; trả hồ sơ để điều tra bổ sung...

¹⁷ GS.TS Nguyễn Đăng Dung, PGS.TS Vũ Công Giao, ThS Lã Khánh Tùng (Đồng chủ biên) (2009), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Khoa Luật Đại học Quốc gia – NXB Chính trị Quốc gia.

¹⁸ Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2010), *Quyền con người (Tập hợp những bình luận khuyến nghị chung của Ủy ban Công ước Liên hợp quốc)*, NXB Công an nhân dân.

¹⁹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Hồng Đức.

²⁰ GS.TS Nguyễn Hòa Bình (Chủ biên) và tập thể tác giả (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia.

2. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

2.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu và hướng triển khai các nội dung nghiên cứu trong luận án

Thứ nhất, cho đến nay nội hàm về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội rộng, hẹp như thế nào vẫn chưa được nhận thức thống nhất ở góc độ khoa học.

Thứ hai, nhìn chung, mối quan tâm lớn nhất trong lĩnh vực nghiên cứu về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội chủ yếu vẫn ở giai đoạn xét xử vụ án hình sự, biết rằng để được xét xử công bằng thì một số quyền của người bị buộc tội cần được bảo đảm thực hiện trước đó.

Thứ ba, ở Việt Nam, các kết quả nghiên cứu liên quan đến các quyền tố tụng độc lập, riêng lẻ mà chưa xem xét chúng trong mối quan hệ với nguyên tắc xét xử công bằng và quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội. Một vài luận văn thạc sỹ về quyền được xét xử công bằng cũng chỉ nghiên cứu ở mức độ chung, mang tính gợi mở mà chưa đi sâu nghiên cứu về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

Thứ tư, các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội phụ thuộc nhiều vào nghĩa vụ của cơ quan, người có thẩm quyền THPT. Bên cạnh đó, cũng có những quyền đặc thù mà người bị buộc tội phải chủ động thực hiện như được bào chữa, được khiếu nại, được kháng cáo...

Như vậy, ở Việt Nam, việc nghiên cứu quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội vẫn chưa được nghiên cứu sâu rộng.

Trên cơ sở kế thừa, tham khảo các công trình khoa học đã công bố, luận án cần tiếp tục nghiên cứu để có đóng góp mới về những vấn đề sau đây:

- Nghiên cứu lý luận chung về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong TTHS.

- Nghiên cứu các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

- Đánh giá thực tiễn thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội và những hạn chế của nó trong mối quan hệ với nguyên nhân từ phía pháp luật, từ các chủ thể có thẩm quyền THTT và từ chính người bị buộc tội.

- Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật và triển khai áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm thực hiện quyền được xét công bằng của người bị buộc tội.

2.2. Những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trên cơ sở đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu, những hướng nghiên cứu đang được triển khai trong luận án cũng như dự kiến các kết quả nghiên cứu, tác giả đề nghị những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu liên quan đến đề tài như sau:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu toàn diện và có hệ thống về xét xử công bằng và quyền được xét xử công bằng đối của các chủ thể có lợi ích trong vụ án (không chỉ là của người bị buộc tội). Đặc biệt, cần làm rõ hơn phạm vi quyền được xét xử công bằng trong mối quan hệ với các quyền tố tụng riêng của các chủ thể.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội ở góc độ áp dụng pháp luật hình sự thông qua phân hóa trách nhiệm hình sự theo hướng bảo đảm công bằng.

Thứ ba, tiếp tục nghiên cứu quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong mối quan hệ so sánh với pháp luật quốc tế và xu hướng phát triển của nó chứ không dừng lại ở các giá trị truyền thống.

Thứ tư, tiếp tục nghiên cứu quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp ở Việt Nam.

PHẦN NỘI DUNG CỦA LUẬN ÁN

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm xét xử công bằng và quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

1.1.1. Khái niệm xét xử công bằng

Xét xử công bằng trong TTHS là hoạt động xét xử của Tòa án nhằm làm rõ sự thật vụ án và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, trong đó việc xét xử được tiến hành độc lập, vô tư và có thẩm quyền của Tòa án; xét xử công khai và kịp thời; mọi chủ thể được bình đẳng trước pháp luật và trước Tòa án; bản án, quyết định sơ thẩm được xét xử lại ở cấp xét xử cao hơn theo yêu cầu và phù hợp với quy định của luật; suy đoán vô tội được tôn trọng; quyền bào chữa của người bị buộc tội được bảo đảm.

1.1.2. Khái niệm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội

Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội là một hệ thống những quyền cụ thể và tối thiểu của người bị buộc tội, được quy định trong luật tố tụng hình sự nhằm bảo đảm cho người bị buộc tội được xét xử công bằng, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời có ý nghĩa trong việc xác định sự thật vụ án, giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

1.2. Cơ sở của quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

1.2.1. Cơ sở lý luận về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

Quyền được xét xử công bằng của các chủ thể nói chung và quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong TTHS nói riêng đã được công nhận như một quyền con người cơ bản và được yêu cầu tôn trọng nó. Các nước khác nhau, trong đó có Việt Nam cần ghi nhận và tiếp tục hoàn thiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong nỗ lực lập pháp quốc gia. Việc từ chối một phiên tòa công bằng là bất công bởi lẽ quyền được xét xử công bằng là một quyền cơ bản.

1.2.2. Cơ sở pháp lý về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội

Cơ sở pháp lý về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội thể hiện ở những quy định chung, có tính chất nền tảng làm cơ sở hợp pháp cho việc xây dựng và hoàn thiện các quyền cụ thể thuộc quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

Xét trong phạm vi luật quốc tế thì quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội có cơ sở từ các quy định, khuyến nghị của luật nhân quyền quốc tế. Cụ thể: Điều 10 UDHR, Điều 14 ICCPR, Điều 6 ECHR, Hiến chương nhân quyền Ả-rập năm 1994 tại Điều 13...

Xét trong phạm vi pháp luật Việt Nam, cơ sở pháp lý về quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong TTHS Việt Nam được thể hiện xuyên suốt trong các Hiến pháp qua các thời kỳ.

1.2.3. Cơ sở thực tiễn của quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội

Bên cạnh kết quả xét xử công bằng trong phần lớn vụ án hình sự thì vẫn còn tồn tại những trường hợp xét xử chưa được công bằng, dẫn đến án sơ thẩm bị sửa hoặc bị hủy để điều tra lại, xét xử lại. Do đó, ngoài những nỗ lực chung, về phía pháp luật TTHS cần ghi nhận đầy đủ quyền được xét xử công bằng của người bị buộc để hoạt động xét xử được công bằng hơn, qua đó góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội.

1.3. Nội dung quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

1.3.1. Những quyền chung được thực hiện trong giai đoạn xét xử

Thứ nhất, người bị buộc tội được xét xử bởi một Tòa án độc lập, vô tư và được thành lập theo luật. Tòa án xét độc lập, vô tư và Tòa án xét xử được thành lập theo luật không những là nguyên tắc của tố tụng mà còn là đòi hỏi có tính chất quyền trong các vụ án hình sự và phi hình sự.

Thứ hai, người bị buộc tội được xét xử công khai và kịp thời. Theo ECHR (Điều 6 (1)) và ICCPR (Điều 14 (1)), người bị buộc tội được Tòa án xét xử công khai. Quyền được xét xử công khai (Right to public hearing) là biểu hiện của quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

Thứ ba, người bị buộc tội được bình đẳng trước Tòa án và trước cơ quan xét xử. Người bị buộc tội không những được Tòa án xét xử một cách độc lập và vô tư; được xét xử công khai, kịp thời mà còn có quyền được đối xử bình đẳng trước Tòa án và trước cơ quan xét xử (Right to equal before the Courts and Tribunals)..

Thứ tư, người bị buộc tội được Tòa án cấp cao hơn xem xét lại việc kết án và bản án theo quy định. Quyền được yêu cầu Tòa án cấp trên (cấp phúc thẩm) xét xử lại bản án, quyết định của Tòa án sơ

thẩm cũng được thực hiện trong các vụ án hình sự và phi hình sự. Quyền này được Tòa án bảo đảm thực hiện.

1.3.2. Những quyền riêng của người bị buộc tội

Thứ nhất, người bị buộc tội được suy đoán vô tội. Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội cũng được thực hiện thông qua quyền được suy đoán vô tội (Right to be presumed innocent). Đây là quyền đặc thù, quyền riêng của người bị buộc tội chỉ tồn tại trong vụ án hình sự. Không chỉ Tòa án, các cơ quan có thẩm quyền khác đều có nghĩa vụ tôn trọng tinh thần suy đoán vô tội khi giải quyết vụ án hình sự..

Thứ hai, người bị buộc tội được tự bào chữa, nhờ người bào chữa. Quyền bào chữa cũng là quyền riêng, đặc thù của người bị buộc tội trong vụ án hình sự. Một trong những yêu cầu cơ bản của quyền được xét xử công bằng là bảo đảm cho người bị buộc tội được thực hiện quyền bào chữa (Right to defense).

Thứ ba, người bị buộc tội được trợ giúp phiên dịch miễn phí nếu không thể hiểu và nói được ngôn ngữ dùng trong Tòa án. Theo Khoản 3 (e) Điều 6 ECHR thì người bị buộc tội được trợ giúp phiên dịch miễn phí nếu người đó không thể hiểu và nói được ngôn ngữ dùng trong Tòa án. Trong vụ án hình sự, để bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội, đồng thời thể hiện trách nhiệm chứng minh thuộc về cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng thì việc họ được hỗ trợ phiên dịch miễn phí là quy định hợp lý.

CHƯƠNG 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

2.1. Người bị buộc tội được xét xử bởi Thẩm phán, Hội thẩm độc lập, vô tư và có thẩm quyền

Bên cạnh điều kiện độc lập xét xử, để xét xử được công bằng, người bị buộc tội còn được xét xử bởi các *Thẩm phán, Hội thẩm vô tư*, tức là không có định kiến trước. Ngoài ra, quyền được xét công bằng của người bị buộc tội còn được thể hiện ở *tính hợp pháp và có thẩm quyền của HĐXX*.

Ở khía cạnh quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội, quyền được xét xử bởi Tòa án (Thẩm phán, Hội thẩm) độc lập, vô tư và có thẩm quyền chủ yếu được đáp ứng từ việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tòa án.

- Quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền THTT (điểm d khoản 2 Điều 61, điểm a khoản 1 Điều 279 BLTTHS năm 2015).

- Quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền THTT (điểm n khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015).

2.2. Người bị buộc tội được xét xử kịp thời và xét xử công khai

Thứ nhất, quyền được xét xử kịp thời của người bị buộc tội.

Xét xử kịp thời, cũng có cách hiểu khác là xét xử nhanh chóng (expeditious hearing), trong khi Điều 14 (3)(c) ICCPR tiếp cận ở góc độ quyền thì đó là quyền mà người bị buộc tội được xét xử mà *không bị trì hoãn quá mức* (to be tried without undue delay). Việc xét xử kịp thời bảo đảm xét xử công bằng vì “không chỉ tránh giữ một người quá lâu ở một địa vị không rõ ràng và nếu trong tình trạng bị giam suốt thời gian xét xử, bảo đảm việc tước tự do như vậy sẽ không cần thiết dài hơn trong một hoàn cảnh của vụ án cụ thể, mà còn phục vụ cho lợi ích công lý”²¹.

²¹ Tlđd số 16, para 35.

Thứ hai, quyền được xét xử công khai của người bị buộc tội.

Xét xử công khai không chỉ là yêu cầu mang tính nguyên tắc TTHS mà còn là quyền của người bị buộc tội. Điều 25 BLTTHS năm 2015: “Tòa án xét xử công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên tòa, trừ trường hợp do Bộ luật này quy định”.

Để xét xử công khai, Tòa án phải niêm yết công khai về thời gian, địa điểm mở phiên tòa cũng như dự trữ khoảng thời gian để xét xử vụ án để mọi người biết, đồng thời tính đến các điều kiện, phương tiện xét xử cần thiết như phòng xử và điều kiện cơ sở vật chất để bảo đảm mọi người có thể tham dự phiên tòa.

2.3. Người bị buộc tội được bình đẳng trước pháp luật và trước Tòa án

Trong nội dung của quyền xét xử công bằng, bên cạnh quyền được xét xử bởi Tòa án độc lập, vô tư và có thẩm quyền thì người bị buộc tội còn được bình đẳng trước pháp luật và trước Tòa án. Bình đẳng trước pháp luật được hiểu là pháp luật không có sự phân biệt đối xử vì các lý do giới tính, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội (cá nhân) hoặc chế độ sở hữu (pháp nhân). Nếu các chủ thể khác nhau về địa vị pháp lý thì chế độ pháp lý giữa các chủ thể mới có sự khác nhau. Bình đẳng trước Tòa án, cho dù các bên không cùng địa vị pháp lý nhưng vẫn được Tòa án tạo điều kiện, cơ hội như nhau để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bình đẳng trước pháp luật và trước Tòa án góp phần bảo đảm công lý, công bằng trong xét xử.

2.4. Người bị buộc tội được suy đoán vô tội, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội

Thứ nhất, khác với suy đoán có tội, suy đoán vô tội phản ánh tư duy pháp lý tiến bộ trong tư pháp nhân loại. Tiếp cận ở khía cạnh

xét xử công bằng, *suy đoán vô tội* đã định rằng mọi người đều trung thực và vô tội cho đến khi chứng minh có tội.

Thứ hai, quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội. Tiếp cận ở góc độ quyền được xét xử công bằng, Điều 14 (3)(g) ICCPR quy định: “Người bị buộc tội không bị buộc phải khai báo chống lại chính mình hoặc buộc nhận tội”.

Quyền được suy đoán vô tội, nghĩa vụ chứng minh của cơ quan, người có thẩm quyền THTT (buộc tội) và đặc quyền không đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội là có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất với nhau. Nó có ý nghĩa bảo đảm quyền được xét xử công bằng khi người bị buộc tội ở vị trí của “kẻ yếu thế” trong TTHS, đồng thời bảo đảm tính thuyết phục của hoạt động buộc tội.

2.5. Người bị buộc tội được quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa

Quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa của người bị buộc tội có mối quan hệ của quyền bình đẳng tranh tụng trước Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, nếu có buộc tội thì sẽ phát sinh quyền bào chữa. Đây cũng là quyền đặc thù của người bị buộc tội trong vụ án hình sự. Điểm khác biệt đáng lưu ý là người bị buộc tội không thụ động hưởng quyền mà có thể chủ động thực hiện nó với sự tôn trọng của cơ quan, người có thẩm quyền THTT. Việc xét xử công bằng dựa trên kết quả tranh tụng bình đẳng trước Tòa án, do đó cần thực hiện tốt quyền bào chữa.

2.6. Người bị buộc tội được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án

Người bị buộc tội có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp này *chính là bị cáo*. Trường hợp bị cáo

không đồng ý với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm thì trong thời hạn luật định sau khi bản án, quyết định sơ thẩm được tuyên, bị cáo có quyền kháng cáo để được xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đó cũng là một phần nội dung của quyền được xét xử công bằng dựa trên giả thuyết rằng có thể xảy ra sai sót trong xét xử sơ thẩm.

2.7. Người bị buộc tội được quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình và được hỗ trợ phiên dịch miễn phí

Quyền của người bị buộc tội được trợ giúp phiên dịch có tầm quan trọng và được đưa vào trong Điều 6 (3)(e) ECHR và Điều 14 (3)(f) ICCPR, trong đó nêu rõ quyền của người bị buộc tội “được trợ giúp miễn phí của một người phiên dịch nếu người đó không thể hiểu và nói bằng ngôn ngữ được dùng ở Tòa án”. Trong TTHS Việt Nam, việc sử dụng một loại ngôn ngữ hoặc được hỗ trợ phiên dịch có ý nghĩa quan trọng khi thực hiện tranh tụng, thực hiện quyền bào chữa. Do đó, đây là một quyền không thể thiếu trong số tối thiểu các quyền để người bị buộc tội được xét xử công bằng.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

3.1. Thực tiễn thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội

3.1.1. Thực tiễn thực hiện quyền được xét xử trước một Tòa án độc lập, vô tư của người bị buộc tội

Bên cạnh sự độc lập, vô tư trong xét xử và người bị buộc tội cũng được hưởng quyền độc lập, vô tư trong xét xử của Tòa án thì thực tiễn xét xử vẫn còn tình trạng người bị buộc tội chưa thực hiện

đầy đủ quyền được xét xử độc lập, vô tư. Tình trạng báo cáo án trước và sau khi xét xử vẫn còn tồn tại.

Việc xét xử thiếu độc lập, thiếu vô tư cũng có nguyên nhân ở chế độ án trọng điểm.

Tình trạng *tổ chức xét xử lưu động* có thể làm cho quyền được xét xử công bằng không được bảo đảm do vừa thiếu độc lập, vừa thiếu vô tư.

Nguyên nhân làm hạn chế về độc lập, vô tư trong xét xử cũng cần được *xem xét ở phạm vi liên ngành*, đó là việc *tổ chức bộ máy Tòa án ở cấp xét xử sơ thẩm và thực hiện các chế độ đối với Thẩm phán: Việc tổ chức bộ máy Tòa án ở cấp xét xử sơ thẩm theo đơn vị hành chính (cấp huyện và cấp tỉnh); Chế độ nhiệm kỳ của Thẩm phán và quy định bổ nhiệm lại cũng như xử lý trách nhiệm* của Thẩm phán đã ảnh hưởng đến tính độc lập của Thẩm phán trong xét xử. Hơn nữa, việc xem xét trách nhiệm của Thẩm phán liên quan đến điều kiện bổ nhiệm lại nếu căn cứ vào án bị hủy bởi Tòa án có thẩm quyền xét xử lại vụ án²².

Nguyên nhân của tình trạng thiếu vô tư của Thẩm phán còn ở *chế độ thu nhập của Thẩm phán* khi mà các lợi ích phi pháp khác có thể lấn át lợi ích công lý. Điều này cũng làm cho quyền được xét xử công bằng của những bị cáo khác nhau chưa bảo đảm..

3.1.2. Thực tiễn thực hiện quyền được xét xử kịp thời và công khai của người bị buộc tội

Thứ nhất, quyền được xét xử kịp thời của người bị buộc tội được phản ánh qua tình hình Tòa án xét xử đúng thời hạn, không bị trì hoãn, kéo dài thiếu căn cứ. Đáng chú ý là *tình trạng trả hồ sơ để điều*

²² Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quyết định 120/QĐ-TANDTC của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, ngày 19/6/2017 quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân.

tra bổ sung, đặc biệt là Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung và *hoãn phiên tòa nhiều lần*.

Thứ hai, quyền được xét xử kịp thời của người bị buộc tội được phản ánh qua tình hình *Toà án xét xử công khai*. Thực tiễn xét xử không vướng mắc nhiều ở lý do xét xử kín hay xét xử công khai mà chủ yếu ở *cách thức tổ chức việc xét xử công khai đối với một số vụ án*. Nhiều vụ án có đông bị cáo, bị hại và các đương sự khác và vụ án có sự quan tâm của dư luận xã hội nên có nhiều người muốn tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, với lý do có sự hạn chế về chỗ ngồi tham dự phiên tòa của phòng xử án và lý do bảo đảm an ninh trật tự phiên tòa mà có sự hạn chế số người tham dự.

3.1.3. Thực tiễn thực hiện quyền bình đẳng trước Tòa án, bình đẳng tranh tụng và quyền bào chữa của người bị buộc tội

Những trường hợp xét xử không công bằng, có thể do sự phân biệt đối xử dẫn đến thiếu vô tư có thể xảy ra ở những vụ án tham nhũng, chức vụ hoặc bị phân biệt đối xử vì lý do nhân thân (tốt hoặc xấu) mà việc giải quyết vụ án đôi khi có lợi hoặc bất lợi cho bị cáo.

Với quyền *bình đẳng tranh tụng* của người bị buộc tội, việc phân tích, ghi nhận ý kiến của người bị buộc tội, người bào chữa không đầy đủ trong bản án, quyết định của Tòa án là biểu hiện của hạn chế về thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử.

Về thực tiễn thực hiện *quyền tự bào chữa*, nhờ người bào chữa. Quyền này do người bị buộc tội chủ động và trực tiếp thực hiện với nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện từ phía cơ quan có thẩm quyền THPT. Vẫn còn một số lượng lớn bị cáo không có luật sư bào chữa. Đó là chưa kể các trường hợp vì những lý do khác nhau nên người bào chữa tham gia muộn so với thời điểm được phép.

3.1.4. Thực tiễn thực hiện quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội

Thực tiễn suy đoán vô tội chưa được tôn trọng đầy đủ còn được đánh giá qua tình hình trả hồ sơ để điều tra bổ sung, hoãn phiên tòa kéo dài, trong đó có những vụ án rất khó đưa ra bản án, quyết định. Điều đó có nghĩa là cơ quan, người THTT, trong đó có Thẩm phán, Hội thẩm đã không áp dụng đúng nguyên tắc suy đoán vô tội tại Điều 13 BLTTHS.

Ngoài ra, do nguyên tắc suy đoán vô tội tại Điều 13 BLTTHS năm 2015 chưa ghi nhận minh bạch về trường hợp “suy đoán có lợi” trong nguyên tắc suy đoán vô tội nên nhiều trường hợp có tranh chấp trong việc giải thích luật hoặc kết quả chứng minh chưa rõ ràng dẫn đến áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án không thống nhất.

3.1.5. Thực tiễn thực hiện quyền kháng cáo của người bị buộc tội

Về nguyên tắc, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Riêng phần nhận định của bản án không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án (ví dụ, theo Khoản 6 Điều 331 thì người được Tòa án tuyên không có tội có quyền kháng cáo về các căn cứ mà bản án sơ thẩm đã xác định là họ không có tội), sự vi phạm nghiêm trọng các thủ tục tố tụng cần hủy án để điều tra lại hoặc xét xử lại... thường là bị cáo rất khó phát hiện để kháng cáo nếu không có người bào chữa trợ giúp (nghiên cứu ở 3.1.3 cho thấy tỷ lệ vụ án hình sự có người bào chữa trung bình là 23,4%).

3.1.6. Thực tiễn thực hiện quyền được dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình và được hỗ trợ phiên dịch miễn phí

Thực tiễn thực hiện quyền được dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình và được hỗ trợ phiên dịch miễn phí cũng có liên quan

đến thực tiễn thực hiện quyền bình đẳng trước Tòa án và quyền bào chữa.

Đối với phiên dịch tiếng nước ngoài, vấn đề khó khăn không chỉ người bị buộc tội đến từ nhiều nước khác nhau với nhiều ngôn ngữ khác nhau rất khó có thể phiên dịch, mà ngay cả việc phiên dịch những ngôn ngữ phổ biến như tiếng Anh thì chất lượng phiên dịch tại phiên tòa hiện nay cũng có thể gặp trở ngại với trình độ hiểu và diễn đạt ngôn ngữ pháp lý của người phiên dịch. Trong khi đó, chưa có tổ chức, hiệp hội chuyên nghiệp về người phiên dịch, đủ trình độ phiên dịch được cơ quan, tổ chức độc lập công nhận.

3.2. Những yêu cầu đối với các giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội

3.2.1. Yêu cầu về cơ sở khoa học và thực tiễn của các giải pháp

Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội sẽ tập trung giải quyết các vấn đề pháp lý và thực tiễn sau đây:

- Tình trạng chưa bảo đảm đầy đủ về độc lập tư pháp, độc lập và vô tư trong xét xử đã ảnh hưởng đến tiêu cực đến quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

- Quyền của người bị buộc tội được xét xử kịp thời và công khai cũng còn có những hạn chế và bị cắt xén nhất định.

- Quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa được thực hiện đầy đủ và tranh tụng chưa được công bằng, bình đẳng.

- Quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội chưa được nhận thức và thực hiện đúng tinh thần của nó.

- Quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm để Tòa án cấp trên trực xét xử lại theo trình tự phúc thẩm vẫn còn những tồn tại về nhận thức của người bị buộc tội, do chưa được giải

thích rõ về những vấn đề của vụ án có thể kháng cáo trong khi chưa có sự hỗ trợ pháp lý đầy đủ từ phía các luật sư bào chữa.

3.2.2. Yêu cầu về cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế của các giải pháp

Thứ nhất, giải pháp thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội nhằm đáp ứng mục tiêu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, giải pháp thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội cần gắn với nhu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

3.3. Các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật

Thứ nhất, nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật.

- Hoàn thiện các quy định nhằm bảo đảm quyền của người bị buộc tội được xét xử bởi Thẩm phán, Hội thẩm vô tư; và được suy đoán vô tội. Trong đó, cần quy định rõ Tòa án không có nghĩa vụ thu thập chứng cứ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp để ra bản án, quyết định.

- Hoàn thiện các quy định nhằm bảo đảm quyền của người bị buộc tội được suy đoán vô tội, trong đó bổ sung nội dung suy đoán có lợi trong nội hàm suy đoán vô tội tại Điều 13 BLTTHS; cần ghi nhận “quyền im lặng” của người bị buộc tội thay vì quyền “không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”, đồng thời cũng quy định “người bị buộc tội còn có

quyền từ chối yêu cầu cung cấp bất kỳ tài liệu nào, bất kỳ thứ gì mà nếu làm như vậy sẽ chống lại họ”.

- Hoàn thiện quy định về xét xử kịp thời và quyền được xét xử kịp thời với việc sửa đổi, hoàn thiện Điều 25 BLTTHS nhằm bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội: “Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định. Tòa án xét xử nhanh chóng khi đủ điều kiện mà không có sự trì hoãn quá mức. Xét xử kịp thời cũng phải bảo đảm quyền bào chữa”.

- Hoàn thiện quy định nhằm bảo đảm thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội. Trong đó đề nghị: bỏ quy định “Trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra” (Điều 74 BLTTHS); mở rộng các trường hợp người bị buộc tội được chỉ định bào chữa. Theo đó, cần sửa đổi quy định về trường hợp được chỉ định bào chữa (tại điểm a khoản 1 Điều 76) đối với bị can, bị cáo về tội có mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; hướng dẫn áp dụng thống nhất quy định người bào chữa phải được Cơ quan có thẩm quyền THTT báo trước một thời gian hợp lý về thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động tố tụng mà họ có quyền tham gia theo quy định của BLTTHS (Điều 79 BLTTHS).

- Hướng dẫn cụ thể bằng văn bản về nội dung và phạm vi quyền kháng cáo của bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo việc kết án bị cáo về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, loại hình phạt, mức hình phạt và các biện pháp trách nhiệm hình sự khác, đồng thời kháng cáo về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí được áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo còn có quyền kháng cáo việc vi phạm các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bị cáo, người đại

diện, người bào chữa chỉ kháng cáo các vấn đề có liên quan đến lợi ích của họ.

- Bổ sung quy định từ Điều 58 đến Điều 61: người bị bắt/người bị tạm giữ/ bị can/ bị cáo “được sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trong trường hợp không thể hiểu và sử dụng tiếng Việt để trả lời câu hỏi và tự bào chữa” và “được phiên dịch miễn phí”. Ngoài ra, yêu cầu về phiên dịch, đặc biệt là tại phiên tòa cần đầy đủ hơn chứ không hạn chế ở phiên dịch tóm tắt.

3.3.2. Các giải pháp khác bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội

Thứ nhất, các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền được xét xử bởi Tòa án độc lập, vô tư và đúng thẩm quyền.

- Cần tổ chức lại hệ thống Tòa án cấp huyện theo mô hình Tòa án khu vực, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính.

- Về nhiệm kỳ Thẩm phán; bổ nhiệm lại Thẩm phán; chế độ thu nhập và đãi ngộ của Thẩm phán cần được cải thiện; bảo đảm điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ của Thẩm phán đủ để bảo đảm xét xử độc lập, vô tư.

Thứ hai, các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền được xét xử kịp thời và xét xử công khai.

- Cần có giải pháp để thực hiện chế độ xét xử công khai đầy đủ, từ đó bảo đảm thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

Thứ ba, các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền bào chữa, quyền được tranh tụng bình đẳng.

- Tại phiên tòa cần bố trí bàn, bục ghi chép, giấy, bút cho bị cáo để ghi chép thông tin, chuẩn bị trả lời câu hỏi và chuẩn bị lời bào chữa tại phiên tòa.

- Khi điều khiển phiên tòa, chủ tọa phiên tòa *cần tạo điều kiện cho các bên tranh tụng bình đẳng* (cung cấp chứng cứ; xét hỏi; xem xét vật chứng, tài liệu; tranh luận; bảo đảm sự có mặt của các chủ thể được triệu tập).

- Khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện quyền của bị can (hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội) được *“đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu”* (điểm i khoản 2 Điều 60 BLTTHS).

- Cần đa dạng hóa các hình thức, các chương trình trợ hỗ trợ pháp lý từ phía các tổ chức Luật sư, các công ty luật cho người nghèo, người có thu nhập thấp để người bị buộc tội có cơ hội tiếp cận với luật sư bào chữa cho mình.

- Cải tiến các thủ tục thông báo, thủ tục đăng ký bào chữa... Khuyến khích thực hiện bằng hình thức trực tuyến hoặc thông qua các phương tiện điện tử.

Thứ tư, giải pháp bảo đảm thực hiện quyền kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm để được xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khi tuyên án cũng cần giải thích cụ thể cho bị cáo về những nội dung có thể kháng cáo và phạm vi các vấn đề có quyền kháng cáo.

KẾT LUẬN

Sau khi tham khảo các quan điểm, có thể hiểu quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội là quyền cơ bản của người bị buộc tội, trong đó tối thiểu phải được bảo đảm bởi quyền được xét xử bởi một Tòa án độc lập, vô tư có thẩm quyền; quyền được xét xử kịp thời, công khai; quyền bình đẳng trước Tòa án; quyền được yêu

cầu xét xử lại bản án sơ thẩm ở cấp cao hơn; quyền được suy đoán vô tội và không bị buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận là mình có tội; quyền được bào chữa...

Thực tiễn bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội ở Việt Nam được đánh giá thông qua tình hình áp dụng các quy định của pháp luật TTHS. Bên cạnh những mặt tích cực thì thực tiễn bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội vẫn còn những hạn chế do chưa bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng liên quan.

Trên cơ sở lý luận, những hạn chế của pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội, kết quả nghiên cứu ở Chương 3 đề xuất các nhóm giải pháp như sau:

Thứ nhất, nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật.

Thứ hai, nhóm các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

1. Nguyễn Trần Như Khuê (2017), *Nguyên tắc xét xử kịp thời, công bằng và công khai theo Điều 25 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 4 (107).

2. Nguyễn Trần Như Khuê (2020), *Bảo đảm sự độc lập của Hội thẩm nhân dân trong hoạt động xét xử vụ án hình sự*, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 293.

3. Nguyễn Trần Như Khuê (2020), *Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội được bảo đảm bởi Tòa án xét xử độc lập, khách quan và được thành lập theo luật*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 20 (420).

4. Nguyễn Trần Như Khuê (2020), *Bảo đảm xét xử công bằng cho người bị buộc tội thông qua quy định quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Tạp chí khoa học kiểm sát, Chuyên đề 03 (41).